

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2017

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA- TỈNH THANH HÓA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thường
2. Ông Nguyễn Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Ngày 18/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2017/QĐXX-ST ngày 19/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị M - sinh năm 1989 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Sỹ T - sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Sỹ T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố T. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T ham chơi lô đề, cờ bạc. Giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo A1 và Nguyễn Bảo A2 cùng sinh ngày 06/3/2015. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Nguyễn Sỹ T: Tại bản tự khai ngày 02/6/2017 anh trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn anh thống nhất như chị M trình bày. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh xét thấy tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là Nguyễn Bảo A1 và Nguyễn Bảo A2 cùng sinh ngày 06/3/2015. Ly hôn anh đề nghị giao cả hai cháu cho chị M tiếp nuôi.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không đến nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị M vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đối với bị đơn anh Nguyễn Sỹ T đã được triệu tập đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã triệu tập anh Nguyễn Sỹ T đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS, xét xử vắng mặt anh T].

[Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Sỹ T kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Tại bản tự khai ngày 02/6/2017 anh T cũng thống nhất với chị M về nguyên nhân mâu thuẫn và thống nhất cho đến nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị M có đơn ly hôn anh cũng có nguyện vọng mong Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh không đến nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Như vậy anh T không có thiện chí để hàn gắn quan hệ vợ chồng. Có thể khẳng định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật HN và GĐ chấp nhận đơn xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh T].

[Về con chung: Anh T và chị M có 02 con chung là Nguyễn Bảo A1 và Nguyễn Bảo A2 cùng sinh ngày 06/3/2015. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng. Nguyện vọng của chị M là chính đáng và cũng phù hợp với ý kiến anh T, phù hợp với quy định của pháp luật (cả hai cháu hiện tại đều dưới 36 tháng tuổi). Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu, căn cứ mức sống bình quân trên địa bàn nội thành thành phố T hiện nay, căn áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật HN và GĐ, giao cả hai cháu Bảo A1 và Bảo A2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/ tháng là phù hợp].

[Về tài sản: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét].

[*Về án phí*: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị M chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm, anh T phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Sỹ T.

Về con chung: Anh, chị có 02 con chung là Nguyễn Bảo A1 và Nguyễn Bảo A2 cùng sinh ngày 06/3/2015. Giao cả hai cháu Bảo A1 và Bảo A2 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/1tháng (hai cháu là 3.000.000đ/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2017 cho đến khi các cháu thành niên. Anh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2015/0007308 ngày 23/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hoá (chị M đã nộp đủ án phí).

Anh Nguyễn Sỹ T phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND TP.Thanh hóa;
- Chi cục THADS TP.TH;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hà